

Chú giải Thái kinh Tăng Chi Bộ III – Chương 6 – 8. Phẩm A-La-Hán

Chú giải Tăng Chi Bộ Kinh, Chương Sáu, Nhóm Hai, Phẩm Arahant thứ ba.

▪
1. Dukkha Sutta (Kinh Khổ).

#-

Phẩm Arahant thứ ba.

Chú giải Kinh Khổ thứ nhất.

#-

Chú giải này thuộc Phần thứ tám.

:-

Sau đây là phần giải thích Kinh Khổ thứ nhất trong Phẩm Arahant thứ ba:

▪
Cụm từ “Savighāṭaṃ” có nghĩa là đầy dẫy sự bức bách, tức là có những tai họa.

▪
Cụm từ “Saparilāhaṃ” có nghĩa là đầy sự bất an, với sự bối rối cả thân và tâm.

▪
Cụm từ “Pāṭikaṅkhā” có nghĩa là nên kỳ vọng, tức là chắc chắn có.

Kết thúc chú giải Kinh Khổ thứ nhất.

Chú giải Kinh Arahant thứ hai.

:-

Sau đây là phần giải thích Kinh Arahant thứ hai:

()

▪
Cụm từ “Māṇaṃ” có nghĩa là sự ngã mạn, tức là tự quan trọng hóa bản thân theo địa vị

Cụm từ “Omānam” có nghĩa là sự tự ti, tức là tự xem mình là người thấp kém.

().

Cụm từ “Thambham” có nghĩa là sự cứng cỏi, tức là cố chấp do sân hận và ngã mạn.

Kết thúc chú giải Kinh Arahant thứ hai.

Chú giải Kinh Uttari Manussadhamma thứ ba.

14

Sau đây là phần giải thích Kinh Uttari Manussadhamma thứ ba:

Cụm từ “Uttari Manussadhamma” có nghĩa là những pháp cao thượng vượt trên pháp của con người.

Cụm từ “*Alamariyañāṇadassanavisesaṃ*” có nghĩa là trí tuệ đặc biệt có khả năng đưa con người trở thành bậc Thánh. Được giải thích là bao gồm Tứ Thánh Đạo và Tứ Thánh Quả.

Cụm từ “Kuhanam” có nghĩa là ba loại đối trá.

Cụm từ “Lapaṇaṃ” có nghĩa là việc ca tụng hoặc chê bai nhằm mục đích đạt được điều gì đó.

Kết thúc chú giải Kinh Uttari Manussadhamma thứ ba.

Chú giải Kinh Sukha thứ tư.

:-

Sau đây là phần giải thích Kinh Sukha thứ tư:

Cụm từ “Yoni ca sassa āradhā hoti” có nghĩa là lý do đã được vị ấy làm cho viên mãn, tức là duy trì một cách toàn diện.

Cụm từ “Dhammārāmo” có nghĩa là người tìm thấy niềm vui trong pháp.

Một vị Tỳ-khưu được gọi là “Bhāvanārāmo” khi tìm thấy niềm vui trong thiền định hoặc vui thích trong khi thực hành thiền.

Được gọi là “Pahānārāmo” khi tìm thấy niềm vui trong việc từ bỏ hoặc vui thích khi đang thực hành từ bỏ.

Được gọi là “Pavivekārāmo” khi tìm thấy niềm vui trong ba loại ly trần (thân ly, tâm ly, và pháp ly).

Được gọi là “Abyāpajjhārāmo” khi tìm thấy niềm vui trong sự không làm tổn hại, tức là không có khổ đau.

Được gọi là “Nippapañcārāmo” khi tìm thấy niềm vui trong Niết-bàn, tức là pháp không còn phiền phức và chướng ngại.

Kết thúc chú giải Kinh Sukha thứ tư.

Chú giải Kinh Adhigama thứ năm.

:-

Sau đây là phần giải thích Kinh Adhigama thứ năm:

■
Cụm từ “Na āyakusalo” có nghĩa là không khéo léo trong việc hiểu rõ các nguyên nhân dẫn đến thành tựu.

■
Cụm từ “Na apāyakusalo” có nghĩa là không khéo léo trong việc hiểu rõ các nguyên nhân dẫn đến thất bại.

■
Cụm từ “Chandaṃ” có nghĩa là sự mong muốn, tức là ý chí để hành động.

■
Cụm từ “Na ārakkhati” có nghĩa là không giữ gìn hoặc không bảo vệ.

Kết thúc chú giải Kinh Adhigama thứ năm.

Chú giải Kinh Mahatta thứ sáu.

:-

Sau đây là phần giải thích Kinh Mahatta thứ sáu:

■
Cụm từ “Ālokabahulo” có nghĩa là tràn đầy ánh sáng của trí tuệ.

■
Cụm từ “Payogabahulo” có nghĩa là thực hành sự tinh tấn một cách mạnh mẽ.

Cụm từ “Vedabahulo” có nghĩa là tràn đầy hỷ lạc và sự phấn khởi.

Cụm từ “Asantuṭṭhibahulo” có nghĩa là không hài lòng trong các thiện pháp.

Cụm từ “Anikkhittadhuro” có nghĩa là không bỏ bê nhiệm vụ, tức là duy trì sự tinh tấn.

Cụm từ “Uttariṇca patāreti” có nghĩa là thực hành tinh tấn ngay bây giờ và phát triển nó lên mức cao hơn.

Kết thúc chú giải Kinh Mahatta thứ sáu.

Chú giải Kinh Dutianiraya thứ tám.

:-

Sau đây là phần giải thích Kinh Dutianiraya thứ tám:

Cụm từ “Pagabbho” có nghĩa là đầy sự ngạo mạn, bao gồm cả sự ngạo mạn qua thân, lời nói và ý.

Kết thúc chú giải Kinh Dutianiraya thứ tám.

Chú giải Kinh Ratti thứ mười.

:-

Sau đây là phần giải thích Kinh Ratti thứ mười:

Cụm từ “Vighātavā” có nghĩa là đau khổ, do đau khổ phát sinh từ tham ái dựa trên sự tham lam.

.

Các đoạn còn lại trong kinh này dễ hiểu, như vậy là đủ.

Kết thúc chú giải Kinh Ratti thứ mười.

Kết thúc phần chú giải Phẩm Arahant thứ ba.

Danh sách các bài kinh có trong phần này bao gồm:

- . (Dukkha Sutta – Kinh Khổ)
- . (Arahattā Sutta – Kinh Arahant)
- . (Uttari Manussadhamma Sutta – Kinh Pháp Cao Thượng)
- . (Sukha Sutta – Kinh Hạnh Phúc)
- . (Adhigama Sutta – Kinh Thành Tựu)
- . (Mahatta Sutta – Kinh Lớn Lao)
- . (Niraya Sutta 1 – Kinh Địa Ngục Thứ Nhất)
- . (Niraya Sutta 2 – Kinh Địa Ngục Thứ Hai)
- . (Aggadhamma Sutta – Kinh Pháp Cao Tột)
- . (Ratti Sutta – Kinh Ban Đêm)